

Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

 Bùi Văn Thụy* - Nguyễn Tiến Quang*

Nhận: 15/03/2021

Biên tập: 25/03/2021

Duyệt đăng: 10/04/2021

Nghiên cứu thực hiện, nhằm chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả cho thấy, các yếu tố: Phương tiện cơ sở vật chất trong công tác kế toán (PT), Quy mô doanh nghiệp (QM), Trình độ nhân viên kế toán (TD), Đối tượng sử dụng thông tin kế toán (DT), Nhận thức của chủ doanh nghiệp về công tác kế toán (NT), Quy định pháp luật về kế toán (QD) giải thích được 60,90% sự biến thiên về công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, giúp doanh nghiệp cải thiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp trong thời gian tới.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, sự hài lòng, các yếu tố ảnh hưởng, nhân viên kế toán, Đồng Nai.

Abstract

The study is conducted to point out factors affecting the accounting work of enterprises in Dong Nai province. The results show the following factors: Facilities in accounting (PT), Enterprise size (QM), Accounting staff qualification (TD), Accounting information users (DT), Perceptions of business owners about accounting (NT), Legal regulations on accounting (QD) explain 60.90% of the variation in accounting work in enterprises in Dong province. Dear. Research and propose solutions to help businesses improve their accounting work next time.

Keywords: SMEs, satisfaction, influencing factors, accountant, Dong Nai.

1. Đặt vấn đề

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp (DN) Việt Nam đã khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế với đặc thù năng động, linh hoạt và thích ứng nhanh với những thay đổi của thị trường. Số lượng các DN hàng năm thành lập ngày càng nhiều, đây là động lực quan trọng trong tạo việc làm, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương cũng như hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của các thành phần kinh tế khác. Tại Đồng Nai, hiện có hơn 54.000 DN đang hoạt động, tập trung chủ yếu ở TP. Biên Hòa. Đồng Nai ngày càng trở thành vùng đất hứa cho các nhà đầu tư, đặc biệt trong điều kiện kinh tế hội nhập như hiện nay.

Tổ chức công tác kế toán là nội dung quan trọng trong tổ chức quản lý của DN. Tổ chức công tác kế toán phù hợp với quy định pháp lý, quy mô hoạt động, đặc điểm sản xuất - kinh doanh, yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin có tác dụng quan trọng, trong việc nâng cao hiệu quả và chất lượng của DN đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông tin hữu ích cho các đối tượng khác ở bên ngoài DN.

Cùng với xu thế hội nhập, DN chịu sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, quyết liệt hơn. Thực tế này đòi hỏi các DN phải tìm được cho mình một hướng đi hợp lý để tồn tại và phát triển. Một trong số các giải pháp cần phải làm là tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý,... mà

thông tin để làm cơ sở không thể khác hơn ngoài thông tin kế toán. Để nâng cao chất lượng công tác kế toán, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của DN, việc nghiên cứu các yếu tố đến công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý thuyết

Đã có nhiều nghiên cứu về lý thuyết liên quan đến hoạt động kế toán, báo cáo tài chính của DN, công bố thông tin của DN, tiêu biểu như: lý thuyết bất cân xứng, lý thuyết đại diện,...

Lý thuyết bất cân xứng:

Thông tin bất cân xứng là việc các bên tham gia giao dịch cố tình che giấu thông tin. Lý thuyết thông tin bất cân xứng xuất hiện vào những năm 1970 và hiện nay đã khẳng định vị trí trong kinh tế học hiện đại.

Thông tin bất cân xứng càng trở nên phổ biến và trầm trọng khi tính minh bạch của thông tin, khả năng tiếp cận thông tin và cơ sở hạ tầng thông tin yếu kém. Đối với các nền kinh tế nước ta, thông tin không đối xứng có những ảnh hưởng rất lớn. Vì vậy, việc xây dựng tổ chức công tác kế toán chất lượng sẽ nâng cao được chất lượng thông tin của báo cáo tài chính và giảm thiểu hiện tượng bất cân xứng thông tin.

Lý thuyết đại diện:

Lý thuyết đại diện được phát triển bởi Alchian và Demsetz năm 1972,

* Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Lạc Hồng (LHU)

tiếp tục được phát triển bởi Jensen và Meckling năm 1976. Lý thuyết này nghiên cứu mối quan hệ giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền, thông qua chi phí ủy quyền. Chi phí ủy quyền xuất hiện trong mối quan hệ giữa nhà quản lý và cổ đông, quan hệ giữa cổ đông và chủ nợ, quan hệ giữa cổ đông và nhà đầu tư. Lý thuyết đại diện giải thích vì sao phải áp dụng hệ thống kế toán trách nhiệm trong DN và đối với các công ty cổ phần, công ty niêm yết hệ thống kế toán cần cung cấp những thông tin gì để đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư và các cổ đông. Trong điều kiện nước ta hiện nay, các thông tin kế toán DN cung cấp chính xác và đầy đủ có ý nghĩa đối với các nhà đầu tư. Lý thuyết đại diện cũng là cơ sở để xây dựng các báo cáo nội bộ trong DN, các báo cáo đánh giá trách nhiệm phù hợp với hệ thống phân quyền trong các DN.

Ngoài các lý thuyết nền, đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các DN. Abdel-Kader và Luther, R.(2008), Ismail (2009), Ahmad (2012), Trần Ngọc Hùng (2016), Nguyễn Thị Giang (2020), Huỳnh Xuân Hiệp, Nguyễn Khánh Duy (2020), đã chỉ ra quy mô DN có ảnh hưởng đến công tác kế toán tại DN. Naomi S. Soderstrom & Kevin Jialin Sun (2007), Huỳnh Xuân Hiệp, Nguyễn Khánh Duy (2020) đã chỉ ra quy định pháp luật về kế toán có ảnh hưởng đến công tác kế toán tại DN. Heidi Vander Bauwhede (2001), Kosaiyakanont (2011), Nguyễn Thị Giang (2020) đã chỉ ra nhận thức và quan tâm của chủ DN về công tác kế toán có tác động đến công tác kế toán tại DN. Ismail and King (2007), Tăng Thành Minh Xuân (2016), Nguyễn Thị Giang (2020), Huỳnh Xuân Hiệp, Nguyễn Khánh Duy (2020), chỉ ra trình độ nguồn nhân lực, kế toán có tác động đến công tác kế toán tại DN. Nguyễn Thị Huyền Trâm (2007), Nguyễn Thị Giang (2020) đã chỉ ra đối tượng sử dụng

thông tin kế toán có tác động đến công tác kế toán tại DN.

2.2 Mô hình nghiên cứu

Từ tình hình thực tế tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kế thừa các lý thuyết nền và các nghiên cứu trước đây, tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như Hình 1.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Xây dựng thang đo và bảng câu hỏi

Từ các lý thuyết nền và kết quả của các nghiên cứu trước đây, tác giả đưa ra 22 thang đo các yếu tố ảnh hưởng và 3 thang đo công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thang đo Likert

được sử dụng trong nghiên cứu với 5 mức tương ứng như sau: (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Trung lập, (4) Đồng ý, (5) Rất đồng ý.

Các thang đo được đưa vào bảng khảo sát. Nội dung bảng khảo sát gồm lời dẫn, thông tin chung của DN và phát biểu về

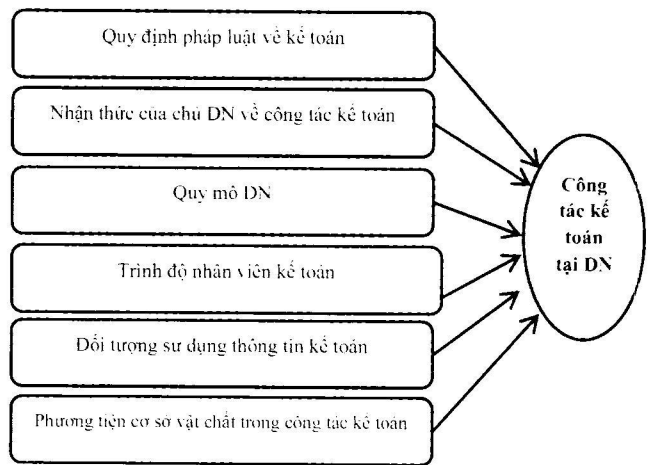
các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3.2 Thu thập dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp điều tra trực tiếp và gián tiếp, để tiến hành khảo sát ý kiến của các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Số liệu khảo sát được tác giả tổng hợp và tiến hành phân tích bằng phần mềm SPSS.

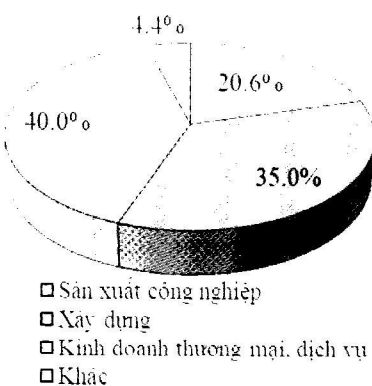
Theo Nguyễn Đình Thọ (2011), kích thước mẫu phù hợp cần ít nhất 5 quan sát cho một biến đo lường và số quan sát từ 100 trở lên. Do đó, kích thước mẫu tối thiểu cho nghiên cứu này là 125. Để đảm bảo nguyên tắc chọn mẫu và đảm bảo tính khách quan phản ánh tổng thể các DN trên

Hình 1: Mô hình đề xuất các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

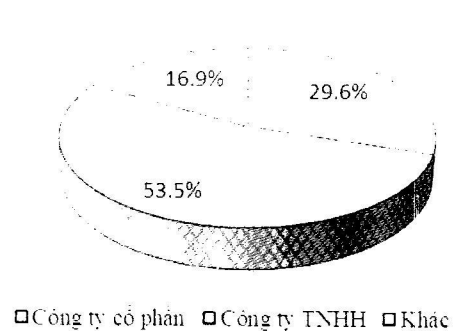


Hình 2: Cơ cấu các DN tham gia khảo sát

Các DN phân bổ theo loại hình kinh doanh



Các DN phân bổ theo loại hình DN



(Nguồn: Tổng hợp và phân tích số liệu của tác giả)

địa bàn tỉnh Đồng Nai, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu của 432 DN, chi tiết xem hình 2, trang 108.

3.3 Phương pháp xử lý số liệu

Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng trong nghiên cứu này. Số liệu sau khi thu thập được tiến hành tổng hợp, phân tích sơ bộ, đánh giá thang đo bằng Kiểm định Cronbach's Alpha, Kiểm định EFA, Phân tích hồi quy thông qua phần mềm xử lý số liệu SPSS.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Kiểm định Cronbach's Alpha

Nghiên cứu tiến hành Kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá sự chặt chẽ và tương quan giữa các biến, từ đó loại bỏ những biến thang đo không phù hợp và giữ lại các biến phù hợp. Kết quả Kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy, các biến thang đo của các yếu tố đều có Corrected Item Total Correlation > 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha > 0.7. Từ Bảng 1, cho thấy 22 biến thang đo đại diện cho 6 yếu tố và 3 biến thang đo đại diện cho biến phụ thuộc là công tác kế toán tại DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là hoàn toàn phù hợp.

4.2 Phân tích nhân tố EFA

Nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA, kết quả cho thấy 22 biến thang đo được gom thành 6 yếu tố, tất cả các biến đều có Hệ số Factor Loading > 0.5, nên được giữ lại trong phân tích EFA. Chỉ số KMO = 0.850 > 0.5 và Sig = 0.000 < 5%, nên dữ liệu phân tích nhân tố là phù hợp.

Ngoài ra, kết quả cho thấy Eigenvalue = 1.122 > 1 đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố rút ra có ý nghĩa tóm tắt thông tin là tốt nhất. Tổng phương sai trích = 77.779% > 50%, chứng tỏ 77.779% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 6 yếu tố được đo lường thông qua 22 biến thang đo và hoàn toàn thích hợp.

4.3 Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định mô hình hồi quy

Sau khi phân tích EFA, tác giả tiến hành phân tích hồi quy và kết quả như Bảng 2.

Bảng 1: Kết quả Kiểm định Cronbach's Alpha

Nhân tố	Mã hóa	Thang đo
Quy định pháp luật về kế toán (QD) Cronbach's Alpha = 0.885	QD1	Khung pháp lý phù hợp tình hình hoạt động kinh doanh sản xuất của DN.
	QD2	Các thông tư ban hành hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ nhu cầu xử lý và ghi nhận số liệu tại DN.
	QD3	Các hướng dẫn chế độ kế toán về chứng từ chi tiết, đầy đủ, dễ dàng thực hiện cho DN.
	QD4	Các hướng dẫn chế độ kế toán về sổ sách chi tiết, đầy đủ, dễ dàng thực hiện cho DN.
	QD5	Các hướng dẫn chế độ kế toán về báo cáo tài chính chi tiết, đầy đủ, dễ dàng thực hiện cho DN.
Nhận thức của chủ DN về công tác kế toán (NT) Cronbach's Alpha = 0.882	NT1	Chủ DN đọc hiểu các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính.
	NT2	Các thông tin trên báo cáo kế toán là cơ sở để nhà quản lý đưa ra các quyết định quản trị.
	NT3	Chủ DN có đầu tư hệ thống kiểm soát nội bộ cho DN.
	NT4	Chủ DN nhận thức được vai trò kế toán trong hoạt động của DN.
Quy mô DN (QM) Cronbach's Alpha = 0.903	QM1	DN có quy mô càng lớn thì mức độ quan tâm đến công tác tổ chức kế toán càng lớn.
	QM2	Quy mô DN ảnh hưởng đến việc lựa chọn chế độ kế toán.
	QM3	DN có quy mô càng lớn thì nguồn lực tài chính cho việc tổ chức công tác kế toán càng lớn.
Trình độ nhân viên kế toán (TD) Cronbach's Alpha = 0.850	TD1	Nhân viên kế toán có trình độ kế toán viên dẫn đến khả năng ghi nhận, xử lý thông tin tốt, đáp ứng mục tiêu cung cấp thông tin kế toán.
	TD2	Nhân viên kế toán có khả năng đọc hiểu và nắm vững chế độ kế toán giúp DN hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy kế toán.
	TD3	Việc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho nhân viên kế toán là điều kiện để giúp DN phát triển bền vững.
Đối tượng sử dụng thông tin kế toán (DT) Cronbach's Alpha = 0.795	DT1	DN hiểu rõ nhu cầu thông tin của đối tượng sử dụng.
	DT2	Đối tượng sử dụng thông tin càng đa dạng càng đòi hỏi công tác tổ chức kế toán của DN càng chặt chẽ.
	DT3	Nhận thức của đối tượng sử dụng thông tin càng cao tạo ra áp lực cho DN phải tuân thủ công tác tổ chức kế toán.
Phương tiện cơ sở vật chất trong công tác kế toán (PT) Cronbach's Alpha = 0.903	PT1	Trang bị máy vi tính, thiết bị làm việc cho bộ máy kế toán là phù hợp với đặc thù công việc.
	PT2	DN trang bị phần mềm kế toán phù hợp với điều kiện hoạt động của DN.
	PT3	Các trang thiết bị luôn đảm bảo vận hành thông suốt trong công tác kế toán.
	PT4	DN chú trọng hệ thống sao lưu dữ liệu kế toán.
Công tác tổ chức kế toán tại DN (CTKT) Cronbach's Alpha = 0.901	CTKT1	Tổ chức công tác kế toán tại công ty, tuân thủ tối các quy định pháp luật hiện hành.
	CTKT2	Thông tin kế toán được cung cấp kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu ra quyết định của người sử dụng thông tin.
	CTKT3	Bộ máy tổ chức kế toán hiện tại phù hợp với tình hình thực tế của DN.

(Nguồn: Tổng hợp và phân tích số liệu của tác giả)

Bảng 2: Kết quả hồi quy

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
1	(Constant)	-1.412	0.207		-6.806	0.000		
	QD	0.117	0.042	0.092	2.777	0.006	0.826	1.211
	NT	0.129	0.046	0.105	2.796	0.005	0.645	1.549
	QM	0.312	0.042	0.243	7.373	0.000	0.836	1.197
	TD	0.242	0.052	0.187	4.676	0.000	0.569	1.757
	DT	0.130	0.042	0.104	3.052	0.002	0.774	1.292
	PT	0.432	0.045	0.372	9.526	0.000	0.595	1.680

Bảng 3: Kết quả chung của mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0.784 ^a	0.615	0.609	0.61780	2.079
a. Predictors: (Constant), PL, TN, DD, DN, DK					
b. Dependent Variable: III					

Kết quả hồi quy được diễn giải theo phương trình sau:

$$CTKT = -1.412 + 0.117 * QD + 0.129 * NT + 0.312 * QM + 0.242 * TD + 0.130 * DT + 0.432 * PT$$

Kết quả phương trình trên cho thấy, 6 biến độc lập đều tác động tích cực đến công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo mức độ tác động từ mạnh tới yếu, cụ thể như sau: Phương tiện cơ sở vật chất trong công tác kế toán (PT), Quy mô DN (QM), Trình độ nhân viên kế toán (TD), Đối tượng sử dụng thông tin kế toán (DT), Nhận thức của chủ DN về công tác kế toán (NT), Quy định pháp luật về kế toán (QD).

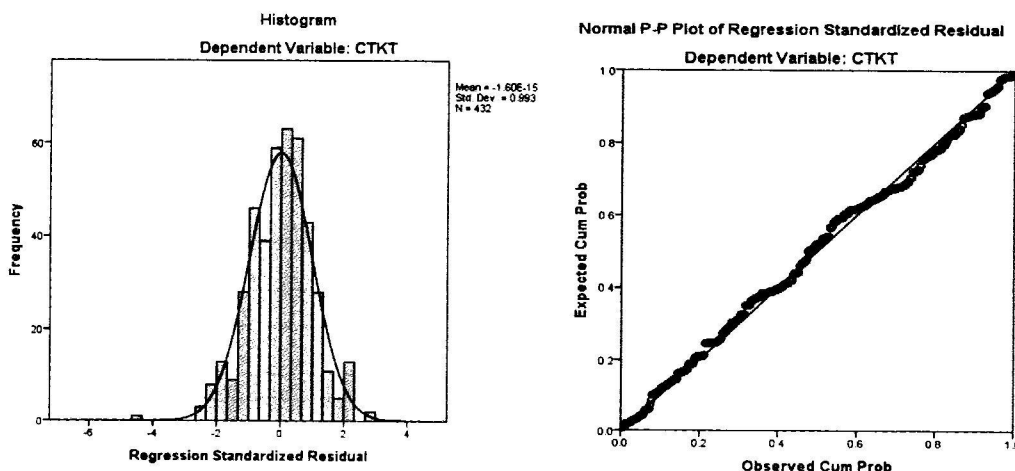
Kết quả Bảng 2 cho thấy, hệ số phóng đại phương sai VIF theo các biến đều có giá trị thấp và nhỏ dưới 2, chứng tỏ mô hình xây dựng được không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Kết quả Bảng 3, trang 109, cho thấy, hệ số Adjusted R Square = 0.609, điều này chứng tỏ 6 yếu tố (Phương tiện cơ sở vật chất trong công tác kế toán (PT), Quy mô DN (QM), Trình độ nhân viên kế toán (TD), Đối tượng sử dụng thông tin kế toán (DT), Nhận thức của chủ DN về công tác kế toán (NT), Quy định pháp luật về kế toán (QD) giải thích được 60,90% sự biến thiên về công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và hoàn toàn phù hợp với thực tiễn.

Đồng thời, Bảng 3 cho thấy hệ số Durbin-Watson = 2.079, giá trị này nằm trong khoảng giá trị từ 1 đến 3, chứng tỏ mô hình xây dựng được không xảy ra hiện tượng tự tương quan.

Kết quả Hình 3 cho thấy, Biểu đồ Histogram có giá trị trung bình Mean gần bằng 0, độ lệch chuẩn gần bằng 1, đường cong phân phối hình

Hình 3: Biểu đồ Histogram và Normal P-P Plot phần dư



(Nguồn: Tổng hợp và phân tích số liệu của tác giả)

chuông, điều này chứng tỏ phân phối chuẩn. Ngoài ra, biểu đồ Normal P-P Plot các điểm phân vị phân bố tạo thành đường thẳng, chứng tỏ phần dư có phân phối chuẩn. Như vậy, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm. Do đó, có thể khẳng định rằng, kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong nghiên cứu này là đáng tin cậy.

5. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, Phương tiện cơ sở vật chất trong công tác kế toán (PT), Quy mô DN (QM), Trình độ nhân viên kế toán (TD), Đối tượng sử dụng thông tin kế toán (DT), Nhận thức của chủ DN về công tác kế toán (NT), Quy định pháp luật về kế toán (QD) ảnh hưởng đến công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đây chính là cơ sở tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm giúp hoàn thiện công tác kế toán tại các DN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Thứ nhất, DN cần trang bị các phương tiện, máy móc thiết bị cần thiết cho từng nhân viên và bộ phận kế toán. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, DN cần áp dụng triệt để công nghệ thông tin trong hoạt động hàng ngày của kế toán, nhằm nâng cao năng suất lao động kế toán và cung

cấp thông tin kế toán đầy đủ, kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị. Sử dụng các phần mềm kế toán hiện đại, phù hợp với tình hình hoạt động của DN. Muốn làm tốt điều này, DN cần có kế hoạch chiến lược cụ thể, từ đào tạo nhân sự cho đến nguồn lực tài chính.

Thứ hai, DN cần rà soát lại hoạt động quản trị của mình, đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh đạt hiệu quả cao, từ đó đưa DN ngày một phát triển. Đây chính là cơ sở để tạo nguồn lực để công tác kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, góp phần đưa ra các báo cáo kế toán kịp thời, chính xác nhất, góp phần giúp nhà quản trị đưa ra quyết định kịp thời.

Thứ ba, nhân sự kế toán có vai trò quan trọng trong công tác kế toán của DN. Chính vì vậy, DN cần: Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn không chỉ về mặt hạch toán mà cả bổ sung về khả năng phân tích – đánh giá và dự báo, nghiệp vụ và kiến thức tin học cho nhân viên kế toán; Đồng thời cập nhật chính sách, chế độ mới cho đội ngũ kế toán; Xây dựng môi trường làm việc tích cực, lành mạnh; Có chế độ khen thưởng, kỷ luật phù hợp và kịp thời.

Thứ tư, DN hướng tới sự phát triển bền vững, hướng tới thu hút nhà đầu tư, đối tác,... Do đó, đối tượng

(Xem tiếp trang 109)

thiên về sử dụng thông tin về kết quả thực hiện trong quá khứ của đơn vị.

Với những lý do phân tích ở trên, sự khác biệt giữa chính sách thuế nói chung và chính sách thuế TNDN nói riêng với hệ thống chuẩn mực kế toán mang tính tất yếu, trong điều kiện các nước đều thực hiện nền kinh tế thị trường và trong xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế. Trên thực tế, sự khác biệt này đang trở nên phổ biến trong những năm gần đây, cùng với việc hệ thống chuẩn mực kế toán có những thay đổi mạnh mẽ liên quan đến việc sử dụng cách tiếp cận giá trị hợp lý và coi trọng đến kế toán dự phòng rủi ro.

Kể từ khi thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo định hướng kinh tế thị trường, nhất là trong những năm gần đây. Chính sách thuế và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã có nhiều thay đổi, theo hướng ngày càng phù hợp hơn với cơ chế quản lý mới và hội nhập với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Cùng với xu thế này, sự khác biệt giữa chính sách thuế và hệ thống

chuẩn mực, chế độ kế toán đã xuất hiện và ngày càng trở nên rõ ràng.

Sự khác biệt giữa chính sách thuế và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam còn trở nên sâu sắc hơn, khi hệ thống chuẩn mực kế toán tiếp tục hội nhập sâu hơn với thông lệ kế toán quốc tế. Thực tế này sẽ đặt ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng cũng như việc chấp hành chế độ chính sách tại các đơn vị. Như trên chúng tôi đã phân tích, sự khác biệt giữa chính sách thuế và kế toán trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan. Sẽ là không khả thi để đảm bảo một sự thống nhất tuyệt đối hai chính sách này. Vấn đề đặt ra là, cần hài hòa một cách hợp lý sự khác biệt giữa chúng. Vấn đề này sẽ được chúng tôi thực hiện trong các nghiên cứu tiếp theo. ■

Tài liệu tham khảo

1. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2006 với "Hoàn thiện kế toán thuế TNDN trong các DN thương mại Việt Nam, Tác giả

với tình hình hoạt động của DN, thì công việc kế toán ngày càng dễ dàng. Muốn làm được điều này, các cơ quan ban ngành Nhà nước cần thường xuyên tổ chức hội thảo, diễn đàn nhằm ghi nhận những khó khăn của doanh nghiệp trong công tác kế toán, từ đó đưa ra những giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Với 6 nhóm giải pháp nêu ra như trên, hy vọng sẽ giúp chủ DN, nhà quản lý có chính sách phù hợp hơn trong tương lai, nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại DN của mình. ■

Tài liệu tham khảo

[1] Đào Nhật Minh (2013), Nhận dạng các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của quá trình tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các DN chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.

[2] Huỳnh Xuân Hiệp, Nguyễn Khánh Duy

Nguyễn Tuấn Duy.

2. Bài báo "Mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán và chính sách thuế TNDN" Mai Ngọc Anh, Tạp chí Thuế Nhà nước, tháng 03/2011.

3. Christiansen, M. (1996) *The relationship between accounting and taxation in Denmark*, *European Accounting Review*, 5, Supplement, pp. 815-833.

4. Gallego, I. (2004) *The accounting and taxation relationship in Spanish listed firms*, *Managerial Auditing Journal*, 19(6), pp. 796-819 10.

5. Haller, A. (1992) *The relationship of financial and tax accounting in Germany: a major reason for accounting disharmony in Europe*, *International Journal of Accounting*, 27, pp. 10-23 11.

6. Hoogendoorn, M. (1996) *Accounting and Taxation in Europe – a comparative overview*, *European Accounting Review*, 5, Supplement, pp. 783-794

7. Tzovas, C. (2006) *Factors influencing a firm's accounting policy decisions when tax accounting and financial accounting coincide*, *Managerial Auditing Journal*, 21(4), pp. 372-386.

8. Shaviro, D. (2009) *The Optimal Relationship Between Taxable Income and Financial Accounting Income: Analysis and a Proposal*, *The Georgetown Law Journal*, 97, pp. 423-484 21.

9. Stoianoff, N. and Kaidonis, M. (2005) *Rehabilitation of mining sites: do taxation and accounting systems legitimise the privileged or serve the community?*, *Critical Perspectives on Accounting*, 16, pp. 47-59.

(2020), *Những nhân tố ảnh hưởng đến công tác kế toán của các DN tại Bình Dương*, *Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 8/2020*.

[3] Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Thiết kế và thực hiện*, NXB Lao động – Xã Hội, TP.HCM.

[4] Nguyễn Thị Giang (2020), *Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các DN nhỏ và vừa*, *Tạp chí Công thương*, <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-nhan-to-anh-huong-den-to-chuc-cong-tac-ke-toan-trong-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-68018.htm>

[5] Trần Ngọc Hùng (2016), *Các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các DNNVV tại Việt Nam*, *Luận văn Tiến sĩ Kinh tế*, Đại học Kinh tế Tp.HCM.

[6] Naomi S. Soderstrom, Kevin Jialin Sun (2007), *IFRS Adoption and Accounting Quality: A Review*, *Social Science Research Network*, August 2007.

[7] Ismail, N. A. (2009), *Factors influencing AIS effectiveness among manufacturing SMEs: Evidence from Malaysia*, *The Electronic Journal of Information Systems in Developing Countries*, 38.

(Tiếp theo trang 110)

sử dụng thông tin kế toán của DN ngày càng nhiều và đòi hỏi độ chính xác, kịp thời thông tin kế toán của DN ngày càng cao. Nhà quản lý DN cần nắm bắt được nhu cầu của từng đối tượng, từ đó đưa ra lộ trình thực hiện và hoàn tất thông tin kế toán, góp phần hoàn thiện công tác kế toán.

Thứ năm, chủ DN cần học tập, nghiên cứu và thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan tới công tác kế toán. Từ đó thấy được vị trí quan trọng của công tác kế toán trong DN, đây là căn cứ để có chính sách, nguồn lực tài chính để hoàn thiện bộ máy kế toán hiện tại.

Thứ sáu, ngoài các yếu tố trên, một yếu tố quan trọng chính là các quy định của pháp luật về hoạt động kế toán của DN. Các quy định, thông tư hướng dẫn càng chi tiết, càng sát